T.A.N.D HUYỆN Y TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 11/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 10/4/2018.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tin
Bà Thân Thị Lụa
Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án, TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 224/2017/TLST- HNGĐ ngày 30/10/2017 về " *Tranh chấp HN&GĐ*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX ST- HNGĐ ngày 06/ 3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1988 (có mặt)
Cư trú tại: thôn T, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

***Bị đơn*:** Anh Chu Tiến D, sinh năm 1985 (vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt)
Cư trú tại: thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/10/2017 được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày: Chị và anh D kết hôn ngày 20 tháng 10 năm 2008, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đầu năm 2009 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không yêu chị, kết hôn với chị chỉ là thương hại. Anh D uống rượu không làm chủ được mình về nhà cầm dao đuổi chém vợ con. Từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thỉnh thoảng đánh nhau. Đôi lúc, vợ chồng không quan tâm đến nhau, ai biết người đó. Mâu thuẫn trầm trọng nhất cuối năm 2016, nguyên nhân là do anh D có quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến vợ. Chị khuyên bảo, anh D không thừa nhận, vợ chồng đánh, cãi nhau. Ngoài ra, anh D còn nghi ngờ chị về tình cảm. Đầu tháng 9/2017, chị đưa con chung về nhà mẹ đẻ ở, vợ

chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay. Sự việc vợ chồng như vậy, hai gia đình dàn xếp, không có kết quả.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung Chu Bảo N, sinh 05/9/2009, hiện đang ở với anh D; Chu Bảo Y, sinh 25/01/2017, hiện đang ở với chị.

Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi 02 con chung. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp chị T xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Chu Tiến D là bị đơn trình bày: Về thủ tục kết hôn anh đồng ý với lời trình bày của chị T. Nhưng anh trình bày thêm vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng năm 2010 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chưa có công việc, chán nên thỉnh thoảng đi uống rượu, khi về đánh vợ. Ngoài ra, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh có quan hệ ngoại tình. Sau khi chị T phát hiện, anh chấm dứt vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, ngày 05/9/2017 chị T nhắn tin điện thoại cho một người đàn ông, anh không đồng ý chị T quan hệ với người đó. Vợ chồng xảy ra xô sát, anh vứt điện thoại của chị T và đi uống rượu. Chị T về nhà mẹ đẻ , vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay. Sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình dàn xếp, không có kết quả. Thời gian chị T về nhà mẹ đẻ, nhiều lần anh xin lỗi, hứa sửa chữa và gọi chị T về nhưng chị T không về.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T xin ly hôn anh không đồng ý.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung Chu Bảo N, sinh 05/9/2009, hiện đang ở với anh; Chu Bảo Y, sinh 25/01/2017, hiện đang ở với chị T.

Nay ly hôn anh đồng ý để chị T nuôi 02 con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp anh D xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 227, 228. 271, 273 BLTTDS, Căn cứ các Điều 51,55, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 BLTTDS điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 xử:

- Quan hệ vợ chồng: chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Chu Tiến D
- Con chung: Giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp các đương sự xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Anh Chu Tiến D là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Chị T và anh D kết hôn ngày 07 tháng 11 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Y là phù hợp với các Điều 8,9 luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2009 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không yêu chị T, kết hôn chỉ là thương hại chị T. Từ đó, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thỉnh thoảng đánh cãi nhau. Ngoài ra nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn còn do anh D có quan hệ ngoại tình. Đầu tháng 9/2017 chị đưa con về nhà mẹ đẻ, vợ chồng chấm chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương, gia đình cung cấp nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm dẫn đến ghen tuông, đánh, cãi , chửi nhau. Địa phương xác định chị T, anh D không còn khả năng đoàn tụ. Ngoài ra, Tòa án tạo điều kiện về thời gian cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị T, anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn. Anh D không đồng ý chỉ nhằm gây khó khăn cho chị T. Áp dụng Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[3] **Con chung**: Vợ chồng có 02 con chung Chu Bảo N, sinh 05/9/2009, hiện đang ở với anh D; Chu Bảo Y, sinh 25/01/2017, hiện đang ở với chị T. Quá trình làm việc tại Tòa án chị T, anh D thỏa thuận chị Trang nuôi 02 con chung, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án tiến hành lấy lời khai cháu N, cháu N xác định ở với bố. Tuy nhiên, anh D vẫn giữ nguyên quan điểm để chị T nuôi 02 con chung. Tòa án lấy lời khai cháu N lần 2 , cháu N xác định nguyện vọng của cháu N là đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu ở với mẹ. Sở dĩ trước đây cháu đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu ở với bố là do sợ ông bà nội vì hiện cháu đang ở với ông bà nội và bố, nhưng thực chất nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ. Áp dụng các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền thăm nom con chung.

[4] Tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác các đương sự xác định không có, nay không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Án phí**: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56, 58, Khoản 2, 3 Điều 81 các Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

Tình cảm: Chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Chu Tiến D.

Con chung: Giao con chung Chu Bảo N, sinh 05/9/2009, Chu Bảo Y, sinh 25/01/2017 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh D có quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0002534 ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho nguyên đơn có mặt biết kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tống đạt án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND(02b);
- THA;
- ĐS;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã L.

Bùi Thị Hương